



# TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1A.7.2/TĐTKT-XNKDVTCNH

Mã số thuế

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

## HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU DỊCH VỤ CỦA NGÂN HÀNG, TỔ CHỨC TÍN DỤNG Năm 2016

(Áp dụng cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính)

1. Tên ngân hàng, tổ chức tài chính: .....

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Địa chỉ: .....

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW: .....

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|--|--|

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh) .....

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

Ngành SXKD chính: .....

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

(VSIC 2007 - Cấp 5)

2. Tổng số lao động thời điểm 31/12/2016:

|  |
|--|
|  |
|--|

Người

3. Thu/chí dịch vụ với nước ngoài (Xuất, nhập khẩu dịch vụ)

(Chỉ bao gồm các khoản thu/chí của ngân hàng, tổ chức tín dụng với phía nước ngoài (cá nhân, tổ chức, đơn vị không thường trú của Việt Nam), không thống kê các khoản thanh toán hộ khách hàng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

|                                                                | Mã số | Năm 2016  |           |
|----------------------------------------------------------------|-------|-----------|-----------|
|                                                                |       | Xuất khẩu | Nhập khẩu |
| A                                                              | B     | 1         | 2         |
| I. Dịch vụ tài chính, ngân hàng                                | 2600  |           |           |
| II. Dịch vụ khác                                               |       |           |           |
| 1. Dịch vụ bưu chính, viễn thông                               | 2450  | x         |           |
| 2. Dịch vụ xây dựng ở Việt Nam                                 | 2510  | x         |           |
| 3. Phí bảo hiểm                                                | 2530  | x         |           |
| 4. Dịch vụ máy tính, thông tin                                 | 2620  | x         |           |
| 4.1. Dịch vụ máy tính                                          | 2630  | x         |           |
| 4.2. Dịch vụ thông tin                                         | 2640  | x         |           |
| 5. Phí bán/mua quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền | 2660  |           |           |
| 6. Dịch vụ kinh doanh khác                                     | 2680  |           |           |
| 7. Dịch vụ cá nhân, văn hoá, giải trí                          | 2870  |           |           |
| 7.1. Dịch vụ giáo dục                                          | 8950  |           |           |
| 7.2. Dịch vụ phục vụ cá nhân, văn hoá, giải trí khác           | 8970  |           |           |

**4. Thu/chi dịch vụ (Xuất, nhập khẩu dịch vụ) chia theo nước đối tác**

[illegible]

Ghi chú: Các ô bôi đen và đánh dấu (X): số liệu mục này không phát sinh  
Đối với các dịch vụ khác, chỉ thống kê các giao dịch có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên (tương đương 5.000 USD)

## GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU

**Xuất khẩu (Thu):** là tổng số tiền mà đơn vị báo cáo thu được từ khách hàng nước ngoài (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân - người tiêu dùng dịch vụ là người không cư trú của Việt Nam) về việc cung cấp các dịch vụ tài chính, ngân hàng; bưu chính viễn thông; xây dựng; bảo hiểm; máy tính và thông tin, phí mua bán quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền; dịch vụ kinh doanh; dịch vụ cá nhân, văn hóa và giải trí cho họ.

**Nhập khẩu (Chi):** là tổng số tiền mà đơn vị báo cáo thanh toán cho phía nước ngoài (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân - người cung cấp dịch vụ là người không cư trú của Việt Nam) về việc sử dụng các dịch vụ tài chính, ngân hàng; bưu chính viễn thông; xây dựng; bảo hiểm; máy tính và thông tin, phí mua bán quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền; dịch vụ kinh doanh; dịch vụ cá nhân, văn hóa và giải trí mà phía nước ngoài đã cung cấp.

### **I. Dịch vụ tài chính, ngân hàng (mã 2600)**

Dịch vụ tài chính bao gồm các giao dịch sau:

Dịch vụ thanh toán gồm phí chuyển tiền; dịch vụ thanh toán bù trừ liên ngân hàng.

Dịch vụ bảo lãnh tín dụng gồm phí bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh nhận hàng, bảo lãnh đối ứng, bao thanh toán và các bảo lãnh khác.

Dịch vụ quản lý quỹ đầu tư gồm phí dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư vàng, quỹ đầu tư bất động sản,...

Dịch vụ tư vấn tài chính gồm các loại phí dịch vụ: Tư vấn tiền gửi, tư vấn thẩm định và tái thẩm định, tư vấn cổ phần hóa,... và các tư vấn liên quan đến tài chính khác.

Dịch vụ khác liên quan đến tài chính gồm các loại phí sau:

- Mở thư tín dụng, cấp hạn mức tín dụng và các công cụ tương tự khác;
- Dịch vụ cho thuê tài chính;
- Dịch vụ quản lý tài sản tài chính;
- Thu xếp các hợp đồng phái sinh tài chính;
- Bảo lãnh phát hành, phát hành vận đơn, môi giới thanh toán hoàn trả chứng khoán có thể hoàn trả, bao gồm cả các khoản hoa hồng về thanh toán thu nhập từ chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký (giữ hộ) tài sản tài chính hoặc vàng;
- Dịch vụ quản lý tài sản tài chính;
- Dịch vụ sáp nhập và mua lại;
- Dịch vụ tài chính doanh nghiệp và đầu tư mạo hiểm;
- Dịch vụ thẻ tín dụng và các dịch vụ cấp tín dụng khác;
- Giao dịch ngoại hối;
- Quản lý thị trường tài chính;
- Dịch vụ về các hợp đồng tương lai về hàng hóa;
- Xếp hạng tín dụng;
- Dịch vụ khác liên quan đến tài chính.

### **II. Dịch vụ khác**

**1. Dịch vụ bưu chính và viễn thông (mã 2450)** bao gồm chi phí mà đơn vị báo cáo trả cho phía nước ngoài về việc sử dụng các dịch vụ bưu phẩm bưu kiện, chuyển phát và viễn thông của họ.

**Lưu ý:**

- Không bao gồm dịch vụ vận chuyển bưu phẩm do các doanh nghiệp vận tải thực hiện trên cơ sở hợp đồng với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính;

- Không bao gồm dịch vụ tài chính bưu chính;

- Không bao gồm dịch vụ lắp đặt các thiết bị viễn thông (thuộc dịch vụ xây dựng);

- Dịch vụ dữ liệu, dịch vụ liên quan đến máy tính (thuộc dịch vụ máy tính và thông tin).

**2. Dịch vụ xây dựng ở Việt Nam (mã 2510)** là tổng số tiền mà đơn vị báo cáo phải trả cho nhà thầu nước ngoài là người không cư trú khi họ thực hiện các dự án xây dựng nhà ở, nhà chung cư, các công trình kỹ thuật dân dụng; phá dỡ, lắp đặt và hoàn thiện các dịch vụ xây dựng chuyên dụng tại Việt Nam.

**3. Phí bảo hiểm (2530)** tổng số phí bảo hiểm đơn vị báo cáo mua từ các hãng bảo hiểm nước ngoài là người không cư trú về các gói bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm du lịch (cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp), bảo hiểm hỏa hoạn..., các dịch vụ hỗ trợ hoạt động bảo hiểm (dịch vụ đánh giá tổn thất, dịch vụ tư vấn bảo hiểm và hưu trí).

**4. Dịch vụ máy tính, thông tin (mã 2620)**

**4.1. Dịch vụ máy tính (2630)** bao gồm các giao dịch giữa đơn vị báo cáo với người không cư trú về lập trình, gia công phần mềm, thiết kế trang web; xử lý dữ liệu; thuê và cho thuê không gian máy chủ trên internet, quản lý trang web,... và các dịch vụ liên quan đến máy tính.

**Lưu ý:** các khoản phí phải trả cho việc vận hành hệ thống máy tính liên quan đến thanh toán như phí SWIFT được tính vào dịch vụ máy tính.

**4.2. Dịch vụ thông tin (2640)** các khoản chi phí liên quan giữa tổ chức tín dụng với đối tác nước ngoài về việc cung cấp tin tức, hình ảnh, bài viết,... và các thông tin liên quan khác.

**Lưu ý:** không bao gồm giá trị thông tin cung cấp, phí đào tạo công nghệ thông tin giữa ngân hàng/tổ chức tín dụng với đối tác nước ngoài.

**5. Phí bán/mua quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền (2660)** gồm các khoản phí liên quan đến việc bán/mua và sử dụng bản quyền, thương hiệu và các quyền tương tự khác cũng như nhượng quyền sử dụng giấy phép; nhượng quyền thương mại và các quyền tương tự khác giữa đơn vị báo cáo với người không cư trú.

**6. Dịch vụ kinh doanh khác (2680)** bao gồm các giao dịch giữa đơn vị báo cáo với người không cư trú về:

- Dịch vụ pháp luật, kế toán, quản lý tư vấn và quan hệ công cộng;
- Dịch vụ quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Dịch vụ nghiên cứu và phát triển;
- Dịch vụ kiến trúc, kỹ sư và các dịch vụ kỹ thuật khác;
- Dịch vụ nông nghiệp, khai thác mỏ và các dịch vụ chế biến tại chỗ khác;
- Các dịch vụ kinh doanh khác chưa phân vào đâu;
- Các dịch vụ giữa các doanh nghiệp liên quan.

**7. Dịch vụ cá nhân, văn hóa, giải trí (2870)**

**7.1. Dịch vụ giáo dục (8950)** bao gồm giao dịch giữa đơn vị báo cáo với người không cư trú về việc mở các khóa đào tạo từ xa, đào tạo qua truyền hình hay internet; thuê giảng viên giảng dạy, tư vấn và hỗ trợ giáo dục.

**7.2. Dịch vụ phục vụ cá nhân, văn hóa và giải trí khác (8970)** bao gồm giao dịch giữa đơn vị báo cáo với người không cư trú về các dịch vụ liên quan đến việc lưu trữ, thư viện, bảo tàng, câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ,... và dịch vụ văn hóa khác.